TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/ 7/2020
V/v *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vi Hồng Lễ.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Thương.
2. Bà Nông Thị Phương Lê.

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Đinh Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thuật - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Hạ Thị H** - Sinh năm 1984 - *Có mặt tại phiên tòa*.

* *Bị đơn*: Ông **Vũ Đức D** - Sinh năm 1978 - *Vắng mặt tại phiên tòa*.

Đều đăng ký HKTT tại: Tổ xx, phường N, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đều tạm trú tại: Tổ Y, phường Đ, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người làm chứng:* Ông Hạ Sỹ L – Sinh năm 1959;
Trú tại: Khu x, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn xin ly hôn, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Hạ Thị H trình bày:*

Bà và ông Vũ Đức D kết hôn với nhau từ ngày 17/11/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi kết hôn, hai bên đều tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là ông D làm ăn thua lỗ, không có sự bàn bạc giữa hai vợ chồng, dẫn đến bán hết đất đai, nhà cửa và các tài sản khác trong gia đình. Từ đó giữa hai vợ chồng xảy ra cãi vã, ông D không chịu tu trí làm ăn mà hay chơi lô đề và đi vay nặng lãi ở nhiều nơi và không có khả năng trả nợ, nên một số đối tượng cho vay đã tìm đến đe dọa bà và các con, ảnh hưởng đến tinh thần, sinh hoạt hàng ngày của bà và các con. Bà và ông D đã ly thân từ năm 2018. Nay bà xác định tình cảm với ông D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông Vũ Đức D có hai con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 07/ 8/2008 và Vũ Đức D sinh ngày 09/12/2015, hiện nay các con đang ở cùng bà. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Vũ Đức D không có tài sản chung.

Về vay nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của con chung: Cháu Vũ Minh A có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020 bị đơn ông Vũ Đức D trình bày:*

Ông và bà Hạ Thị H kết hôn với nhau từ ngày 17/11/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi kết hôn, hai bên đều tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường không có mâu thuẫn gì, chỉ có tranh cãi nhỏ nhưng chưa bao giờ xô sát hay đánh đập vợ, ông vẫn còn yêu thương vợ con, mong được hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy ông không nhất trí ly hôn với chị Hạ Thị H.

Về con chung: Ông và bà Hạ Thị H có hai con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 07/ 8/2008 và Vũ Đức D sinh ngày 09/12/2015, hiện nay các con phát triển bình

thường. Trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Hạ Thị H không có tài sản chung.

Về vay nợ chung: Ông và bà Hạ Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người làm chứng là ông Hạ Sỹ L trình bày:* Ông là bố đẻ của bà H, ông biết mâu thuẫn giữa vợ chồng H và D đã xảy ra từ lâu, nguyên nhân là D làm ăn không có sự bàn bạc giữa vợ chồng, dẫn đến làm ăn thua lỗ, D tự ý bán hết nhà cửa đất đai, không hỏi ý kiến của H dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chửi bới lẫn nhau và nó cứ âm ỉ suốt, D thường xuyên chửi bới vợ và ra khỏi nhà từ sớm đến tối muộn mới về, vì sợ các chủ nợ đến đòi và đe dọa, nhiều lần các chủ nợ nhắn tin đe dọa H và các con làm cho H và các con luôn trong tâm trạng hoảng loạn, ông đã chứng kiến và đã nhiều lần gọi cả hai vợ chồng đến để khuyên giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa H và D vẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Vũ Đức D, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và thông báo tại nơi cư trú của ông D rất nhiều lần, tuy nhiên ông D vẫn không có mặt tại Tòa án để hòa giải đoàn tụ, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hạ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Vũ Đức D. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Đức D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt, mặc dù hiện nay ông Vũ Đức D vẫn có mặt tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung vụ án: Bà Hạ Thị H và ông Vũ Đức D kết hôn với nhau từ tháng 11/2006, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có làm đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông D làm ăn thua lỗ, bán hết nhà cửa đất đai, mang xe máy của vợ đi cầm cố nhiều lần, vay nặng lãi ở nhiều nơi, không có khả năng trả nên một số đối tượng tìm đến vợ con đe dọa làm ảnh hưởng đến tinh thần sinh hoạt chung của gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã ... và đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Hạ Thị H và ông Vũ Đức D là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để hòa giải, mặc dù ông D vẫn có mặt tại nơi tạm trú là tổ Y, phường Đ, thành phố Bắc Kạn. Hiện nay tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Hạ Thị H và ông Vũ Đức D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Hạ Thị H và ông Vũ Đức D có hai con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 07/ 8/2008 và Vũ Đức D sinh ngày 09/12/2015, hiện nay các con đang ở cùng bà H, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Vũ Minh A và Vũ Đức D đang ở cùng bà H, phát triển bình thường, học tập ổn định, đồng thời nguyện vọng của cháu A là được ở cùng mẹ. Do vậy, căn cứ khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu A và cháu D cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, ông Vũ Đức D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, bà Hạ Thị H khẳng định tự thỏa thuận vấn đề nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Hạ Thị H được ly hôn với ông Vũ Đức D.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Minh A, sinh ngày 07/ 8/2008 và Vũ Đức D sinh ngày 09/12/2015 cho bà Hạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ông Vũ Đức D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hạ Thị H không yêu cầu ông Vũ Đức D cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Hạ Thị H và ông Vũ Đức D không có tài sản chung.

5. Về vay nợ chung: Bà Hạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung.

6. Về án phí: Bà Hạ Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp ngày 04 tháng 02 năm 2020 theo biên lai số 0000025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà Hạ Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TPBắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND xã B (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TPBắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ